

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2022/KDTM-ST**

Ngày: 29 - 12 - 2022

*V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Đinh Thị Bích Liễu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Tuất và ông Phạm Văn Bằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Cao Văn Bình– Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 04/2021/TLST – KDTM ngày 06/4/2021, về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-KDTM, ngày 25 tháng 11 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2022/QĐST- KDTM ngày 12/12/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty A; Địa chỉ trụ sở: 95A, đường B, phường C, thành phố D, tỉnh Đ.

Người Đại diện theo pháp luật: Ông T, sinh năm 1973; Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông T1, sinh năm 1962; địa chỉ: 24/3B, phường C1, thành phố D, tỉnh Đ. (Giấy ủy quyền ngày 27/11/2020). (có mặt)

- Bị đơn: Công ty A1; Địa chỉ trụ sở: Ấp Suối Tiên, xã Cây Gáo, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông T2 - Chức vụ: Chủ tịch công ty kiêm giám Đốc; Cư trú: số 2311A, phường 6, quận Đ1, thành phố H. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn Công ty A do ông Phan Nhựt T1 đại diện trình bày:

Trước ngày 01/01/2017, Công ty A (gọi tắt là Công ty A) và Công ty A1 (gọi tắt là Công ty A1) đã nhiều lần mua bán xăng, dầu, gas với nhau và hai bên đã thanh toán đủ tiền hàng cho nhau.

Ngày 01/01/2017, hai bên tiếp tục ký hợp đồng mua bán xăng dầu số 512A/HĐ-KVLTT ngày 01/01/2017, ngày 01/01/2018 ký phụ lục hợp đồng số 01 của Hợp đồng mua bán xăng dầu số 512A/HĐ-KVLTT ngày 01/01/2017, ngày 01/01/2018 ký thêm hợp đồng mua bán gas với nhau, từ ngày 01/01/2017 đến hết ngày 30/9/2019 thì hai bên có mua bán xăng, dầu, gas đốt nhiều lần với nhau, Công ty A1 đã thanh toán một phần tiền hàng và còn nợ Công ty A với tổng số tiền là 259.914.195 đồng đến nay chưa trả. Theo hợp đồng hai bên thỏa thuận, sau khi bị đơn nhận hàng, vào ngày cuối tháng hai bên đối chiếu công nợ, nguyên đơn xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho bên bị đơn theo số lượng hàng thực tế đã giao nhận và bị đơn sẽ thanh toán ngay cho nguyên đơn trong vòng 05 ngày kể từ ngày ghi trên hoá đơn; Trường hợp bị đơn thanh toán chậm, bị đơn phải chịu lãi cho số tiền thanh toán chậm theo mức lãi suất vay ngắn hạn của Ngân Hàng Vietcombank chi nhánh Đồng Nai quy định tại thời điểm phát sinh nhưng không vượt quá 15 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán (ngày ghi trên hoá đơn). Quá thời hạn trên mà bị đơn vẫn không thanh toán thì nguyên đơn có quyền nhờ đến cơ quan pháp luật giải quyết. Số tiền nợ trên đã chậm thanh toán từ ngày 30/9/2019. Ngày 22/10/2019 Công ty A đã gửi công văn số 20/CV-KV1 đến Công ty A1 yêu cầu thanh toán số tiền 259.914.195 đồng. Ngày 31/01/2020 Công ty A1 xác nhận nợ nguyên đơn 02 khoản tiền gồm số tiền 78.400.000 đồng theo thư xác nhận số dư và 159.472.957 đồng theo biên bản đối chiếu công nợ. Ngày 04/03/2020 Công ty A tiếp tục gửi công văn số 04/2020/KV1 đến Công ty A1 yêu cầu bị đơn thanh toán nợ, ngày 13/07/2020 Công ty A gửi công văn số 96/CVCT đến Công ty A1 yêu cầu bị đơn thanh toán nợ nhưng đến nay Công ty A1 vẫn không thanh toán.

Nay Công ty A yêu cầu Công ty A1 phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền hàng là 259.914.195 đồng (hai trăm năm mươi chín triệu chín trăm mười bốn nghìn một trăm chín mươi lăm đồng), nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi chậm thanh toán trong giai đoạn Tòa án giải quyết và cả trong giai đoạn thi hành án. Nguyên đơn khẳng định các tài liệu nguyên đơn cung cấp cho Tòa án đều được phía bị đơn ký và xác nhận trực tiếp với nguyên đơn nên nguyên đơn không yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết. Tại phiên tòa, Nguyên đơn cung cấp thêm các hóa đơn giá trị gia tăng đã xuất hàng cho bên bị đơn và không còn yêu cầu nào khác.

Do bị đơn Công ty A1 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ, Bị đơn vắng mặt

không có lý do tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa nên Bị đơn không có ý kiến trình bày trong vụ án này.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

+ Về tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án chưa đảm bảo về thời hạn giao văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát nhân dân huyện.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn trong vụ án này; Buộc đương sự chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn lựa chọn Tòa án nơi bị đơn có trụ sở giải quyết tranh chấp nên Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom có thẩm quyền giải quyết theo quy tại điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định pháp luật nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, Công ty A yêu cầu Công ty A1 phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền hàng còn thiếu là 259.914.195 đồng (Hai trăm năm mươi chín triệu, chín trăm mười bốn nghìn, một trăm chín mươi lăm đồng). Tại phiên tòa, Nguyên đơn cung cấp thêm các hóa đơn giá trị gia tăng đã xuất hàng cho bên bị đơn. Các đương sự không còn yêu cầu nào khác.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:

Nguyên đơn Căn cứ hợp đồng mua bán xăng dầu số 512A/HĐ-KV1.TT ngày 01 tháng 11 năm 2017, phụ lục hợp đồng số 01 ngày 01/01/2018, hợp đồng mua bán gas ngày 01/01/2018 đã được ký kết giữa hai bên thì đến hết ngày 30/9/2019 Công ty A1 còn nợ trạm xăng dầu Tân Tiến trực thuộc Công ty A tổng số tiền: 259.914.195 đồng (Hai trăm năm mươi chín triệu, chín trăm mười bốn nghìn, một trăm chín mươi lăm đồng). Ngày 22/10/2019 Công ty A đã gửi công văn số 20/CV-KV1 yêu cầu Công ty A1 thanh toán nợ; Ngày 31/01/2020 Công ty A1 xác nhận nợ nguyên đơn 02 khoản tiền gồm số tiền 78.400.000 đồng theo thư xác nhận số dư và 159.472.957 đồng theo biên bản đối chiếu công nợ, tổng cộng là 259.914.195 đồng; ngày 04/03/2020 Công ty A gửi văn bản số 04/2020/KV1, ngày 13/07/2020 gửi văn bản số 96/CVCT yêu cầu Công ty A1 thanh toán nợ nhưng đến nay Công ty A1 vẫn chưa thanh toán.

Mặt khác, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án nên biết rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không phản đối đối với yêu cầu này; đồng thời nguyên đơn đã cung cấp được các tài liệu để chứng minh bị đơn còn nợ tổng số tiền hàng là 259.914.195 đồng (Hai trăm năm mươi chín triệu, chín trăm mười bốn nghìn, một trăm chín mươi lăm đồng) như nguyên đơn đã trình bày ở trên.

Từ những phân tích trên cho thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với Công ty A1 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” là có cơ sở nên được chấp nhận. Vì vậy, cần buộc Công ty A1 phải trả cho Công ty A tổng số tiền là 259.914.195 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu 12.995.710 đồng án phí dân sự ($259.914.195 \text{ đồng} \times 5\% = 12.995.710 \text{ đồng}$). Hoàn trả 6.498.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự cho nguyên đơn.

[5] Ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 30; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 24 Luật thương mại; Điều 6, 9 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A đối với Công ty A1 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Buộc Công ty A1 có nghĩa vụ trả cho Công ty A số tiền mua bán hàng hóa là 259.914.195 đồng (Hai trăm năm mươi chín triệu, chín trăm mười bốn nghìn, một trăm chín mươi lăm đồng).

2. Về án phí:

- Buộc Công ty A1 phải chịu 12.995.710 đồng đồng (mười hai triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn bảy trăm mười đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Công ty A số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 6.498.000 đồng (sáu triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006167 ngày 06/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai ;
- VKSND H.TB và tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THA DS H.Trảng Bom;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đinh Thị Bích Liễu